

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 361/2023/HS-ST

Ngày 27-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lập Tiến, ông Hoàng Việt Thống.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 359/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 374/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Văn L**; tên gọi khác: Cu em; Sinh ngày 22/12/1995 tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Số X đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: thợ sơn; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê N (đã chết) và bà Đinh Thị N1; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Không; Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/6/2023 cho đến nay.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nay H N**; tên gọi khác: Amị T; Sinh ngày 17/11/1993 tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Tổ dân phố X, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Ê Đê; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Siu Y T và bà Nay H C; bị cáo có chồng là Nguyễn Anh Q và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án: Không; Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 13/11/2009 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản tại bản án số 362/2009/HSST. Ngày 07/9/2010 chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/6/2023 cho đến nay.

Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Huỳnh Thái C**; tên gọi khác: Không; Sinh ngày 06/6/1996 tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Số X đường T, tổ dân phố Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Nhân viên giao hàng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Xuân T và bà Nguyễn Thị Anh Đ; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Không; Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/6/2023 cho đến nay.

Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Bùi Anh T**; tên gọi khác: Không; Sinh ngày 19/9/1997 tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Số X đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Thợ sắt; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn A và bà Bùi Thị V; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Không; Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/6/2023 cho đến nay.

Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Cung Văn C, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Z, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

2. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố K, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ông Lãnh Thế M, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

4. Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số X đường A, thôn M, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người chứng kiến:

1. Ông Võ Thành L, sinh năm 1998 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Dương Thế N, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Huỳnh Thái C, Nay H N, Lê Văn L và Bùi Anh T là đối tượng sử dụng ma túy loại Methamphetamine (Hay còn gọi là ma túy đá). Quá trình sử dụng ma túy, T được biết một người phụ nữ tên thường gọi là Q (chưa rõ nhân thân, lai lịch) sử dụng số điện thoại 0706.089.XXX là người bán ma túy đá. Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 03/4/2023, tại khu vực Trung tâm dạy lái V, đường N, phường T, thành phố B, C, N, L và T bàn bạc, thoả thuận, thống nhất góp tiền mua ma túy đá và thuê phòng để cùng nhau sử dụng. N đưa cho L 100.000 đồng, C đưa cho L 200.000 đồng, L góp 200.000 đồng, tổng cộng là 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) rồi L đưa số tiền trên cho T để T đi mua ma túy đá cho cả nhóm sử dụng. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 47H5 – 89XX của L chở C, còn L điều khiển xe mô tô biển số 47E1 – 312.XX chở N cùng nhau đi đến Nhà nghỉ Thảo N tại địa chỉ X đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Khi đến nơi, C gặp ông Nguyễn Phước T (chủ Nhà nghỉ Thảo N) thuê phòng số B6 để cho cả nhóm sử dụng ma túy. Tại phòng số B6, T mượn điện thoại di động mặt sau có chữ Oppo, gắn sim số thuê bao 0362.505.XXX của L gọi đến số điện thoại 0706.089.XXX của Q hỏi mua 500.000đồng ma túy đá thì Q đồng ý bán và hẹn đến khu vực hoa viên đường P, thuộc phường T, thành phố B để bán ma túy. Sau đó, T điều khiển xe mô tô gắn biển số 47H5 – 89XX của L đi một mình đến điểm hẹn, gặp và mua của Q 01 (*Một*) gói nylon bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể, là ma túy đá với số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*). T mang ma túy về lại phòng B6 Nhà nghỉ Thảo N, L lấy gói nylon chứa ma túy đá xé một đầu rồi đổ hết ma túy đá vào một ống thủy tinh (thường gọi là “Nỏ”) của L mang theo rồi cùng T, N và C sử dụng ma túy đá bằng hình thức đốt, hít ma túy vào cơ thể. Khi T, N, L và C vừa sử dụng xong thì bị Công an phường T, thành phố B phát hiện và thu giữ: 01 (*Một*) vỏ nylon bên trong có bám dính chất rắn dạng bột màu trắng được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1; 01 (*Một*) chiếc ống thủy tinh được niêm phong trong phong bì ký hiệu M2, đều có chữ ký ghi tên xác nhận của Nay H N, Lê Văn L, Huỳnh Thái C, Bùi Anh T, Dương Thế N, Nguyễn Phước T và đóng dấu tròn màu đỏ của Công an phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; 01 (*Một*) chiếu bạt lửa màu đỏ; 01 (*Một*) ống nhựa màu trắng được niêm phong theo quy định của pháp luật.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột còn tạm giữ: 01 xe mô tô gắn biển số 47H 89XX; 01 xe mô tô gắn biển số 47E1 – 312.XX; 01 điện thoại di động, mặt sau có chữ: Oppo, số imei: 865787059224XXX, gắn sim số thuê bao 0362.505.XXX.

Tiến hành đưa các đối tượng đi xét nghiệm chất ma túy tại Bệnh viện đa khoa thành phố B, kết quả: Huỳnh Thái C, Nay H N, Lê Văn L và Bùi Anh T đều dương tính với ma túy loại Amphetamin và Methamphetamin.

Tại Kết luận giám định số: 795/KL-KTHS, ngày 04/5/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Chất rắn màu trắng dạng bột bám dính bên trong gói ni lông một đầu bị hở, ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine; lượng chất rắn màu trắng bám dính rất nhỏ nên không xác định được khối lượng. Chất màu nâu đen bám dính bên trong ống thủy tinh uốn cong, một đầu hình cầu hở, ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine; lượng chất màu nâu đen bám dính rất nhỏ nên không xác định được khối lượng.

Cáo trạng số 358/CT-VKS ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố đối với các bị cáo Lê Văn L, Nay H N, Huỳnh Thái C, Bùi Anh T về tội: *“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Lê Văn L, Nay H N, Huỳnh Thái C, Bùi Anh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng, đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn L, Nay H N, Huỳnh Thái C, Bùi Anh T phạm tội: *“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”*.

Về hình phạt:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nay H N từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thái C từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Xử phạt bị cáo Lê Văn L từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Xử phạt bị cáo Bùi Anh T từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: Mẫu vật còn lại sau giám định và vỏ bao gói được hoàn lại trong niêm phong số: 795/KL-KTHS của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng; 01 chiếc bột lửa màu đỏ; 01 ống nhựa màu trắng, là tang vật vụ án.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô biển số 47H5 – 89XX, loại xe: Hai bánh từ 50- 175cm³, nhãn hiệu: Surikabest, số loại C110/01, màu sơn: ghi, dung tích xi lanh: 108, số khung: NJ110-01697XXX, số máy: LC152FMH-01697XXX; 01 điện thoại di động, mặt sau có chữ: Oppo, số imei: 865787059224XXX, gắn sim số thuê bao 0362.505.XXX của bị cáo Lê Văn L và 01 xe mô tô biển số 47E1 – 312.XX, loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu: Yamaha, số loại: Nouvo, màu sơn: vàng nâu, dung tích xi lanh: 132. số khung: RLCN5P1108Y020XXX, số máy: 5P11020XXX của bị cáo Nay H N, là phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật nên vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 03/4/2023, tại phòng số B6 Nhà nghỉ Thảo N, địa chỉ số X đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Lê Văn L, Nay H N, Huỳnh Thái C, Bùi Anh T đã có hành vi bàn bạc, thống nhất góp tiền, chuẩn bị công cụ phương tiện và thuê địa điểm để cùng nhau Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thì bị Công an phường T, thành phố B phát hiện.

Hành vi của các bị cáo Lê Văn L, Nay H N, Huỳnh Thái C, Bùi Anh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” với tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Đối với 02 người trở lên*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

b) Đối với 02 người trở lên”.

Hành vi của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm hại tới chính sách độc quyền quản lý về ma túy của nhà nước, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự trị an trên địa bàn. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được rằng mọi hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đều bị pháp luật nghiêm cấm. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do lỗi cố ý gây ra.

[3] Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố đối với các bị cáo Lê Văn L, Nay H N, Huỳnh Thái C, Bùi Anh T về tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo Huỳnh Thái C, Lê Văn L và Bùi Anh T có nhân thân tốt, bị cáo Nay H N có nhân thân xấu.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nay H N là người đồng bào dân tộc thiểu số nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[5] Trong vụ án này, các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự phân công vai trò cụ thể, phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức.

[6] Xét tính chất, vai trò, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân các bị cáo khác nhau nên cần phân hóa để áp dụng mức hình phạt phù hợp. Cụ thể, Trong vụ án này các bị cáo đều tham gia bàn bạc, thỏa thuận, thống nhất việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo Lê Văn L góp số tiền 200.000 đồng để mua ma túy, sử dụng xe mô tô biển số 47H5 – 89XX và điện thoại di động mặt sau có chữ Oppo của mình tham gia thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo xé gói ma túy cho vào một ống thủy tinh (thường gọi là “Nỏ”) của bị cáo mang theo để cả nhóm sử dụng ma túy. Xét hành vi phạm tội của bị cáo L là người thực hành tích cực và mức độ nghiêm trọng nhất. Do đó mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo L cáo hơn các bị cáo còn lại là phù hợp.

Bị cáo Huỳnh Thái C góp số tiền 200.000 đồng để mua ma túy và thuê phòng nhà nghỉ để tổ chức sử dụng ma túy. Bị cáo Bùi Anh T là người liên hệ với đối tượng bán ma túy để mua ma túy. Bị cáo Nay H N góp số tiền 100.000 đồng để mua ma túy và sử dụng xe mô tô gắn biển số 47E1 – 312.XX của bị cáo để bị cáo L chở bị cáo đi sử dụng ma túy. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo C, T là bằng nhau và nghiêm trọng hơn bị cáo N. Tuy nhiên, bị cáo N có nhân thân xấu, ngày 13/11/2009 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm mà còn tiếp tục phạm tội. Do đó cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Nay H N bằng bị cáo Huỳnh Thái C, Bùi Anh T là phù hợp.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với: Mẫu vật còn lại sau giám định và vỏ bao gói được hoàn lại trong niêm phong số: 795/KL-KTHS của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng theo Biên bản đóng gói, niêm phong và giao nhận lại đối tượng giám định; 01 chiếc bật lửa màu đỏ; 01 ống nhựa màu trắng, là tang vật vụ án cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với: 01 xe mô tô biển số 47H5 – 89XX, loại xe: Hai bánh từ 50 - 175cm³, nhãn hiệu: Surikabest, số loại C110/01, màu sơn: ghi, dung tích xi lanh:

108, số khung: NJ110-01697XXX, số máy: LC152FMH-01697XXX; 01 điện thoại di động, mặt sau có chữ: Oppo, số imei: 865787059224XXX, gắn sim số thuê bao 0362.505.XXX của bị cáo Lê Văn L và 01 xe mô tô biển số 47E1 – 312.XX, loại xe: Hai bánh từ 50 -175cm³, nhãn hiệu: Yamaha, số loại: Nouvo, màu sơn: vàng nâu, dung tích xi lanh: 132, số khung: RLCN5P1108Y020XXX, số máy: 5P11020XXX của bị cáo Nay H N, là phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

[8] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo Lê Văn L, Nay H N, Huỳnh Thái C, Bùi Anh T, Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Cảnh cáo theo quy định tại Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ là phù hợp.

Đối với nguồn ma túy bị cáo Bùi Anh T khai nhận mua của đối tượng “Q” sử dụng số thuê bao 0706.089.044. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa xác minh được nhân thân, lai lịch của đối tượng này. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột tách hành vi của đối tượng nêu trên khỏi vụ án để tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

Đối với ông Nguyễn Phước T là chủ nhà nghỉ Thảo N tại địa chỉ số X đường T, phường T, thành phố B, cho các bị cáo thuê căn phòng số B6. Ông T không biết việc các bị cáo thuê phòng để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk không đề cập xử lý đối với căn phòng và ông Trung là phù hợp.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh: *Căn cứ Điều 255 của Bộ luật Hình sự;*

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn L, Nay H N, Huỳnh Thái C, Bùi Anh T phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

[2] Về hình phạt:

- *Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;*

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn L **08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 08/6/2023.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Thái C **08 (Tám) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 08/6/2023.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Anh T **08 (Tám) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 08/6/2023.

- *Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;*

Xử phạt: Bị cáo Nay H N **08 (Tám) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 08/6/2023.

[3] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: Mẫu vật còn lại sau giám định và vỏ bao gói được hoàn lại trong niêm phong số: 795/KL-KTHS của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng theo Biên bản đóng gói, niêm phong và giao nhận lại đối tượng giám định; 01 (Một) chiếc bật lửa màu đỏ; 01 (Một) ống nhựa màu trắng, là tang vật vụ án.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (Một) xe mô tô biển số 47H5 – 89XX, loại xe: Hai bánh từ 50 - 175cm³, nhãn hiệu: Surikabest, số loại C110/01, màu sơn: ghi, dung tích xi lanh: 108, số khung: NJ110-01697XXX, số máy: LC152FMH-01697XXX, không kèm theo đăng ký xe; 01 (Một) điện thoại di động, mặt sau có chữ: Oppo, số imei: 865787059224XXX, gắn sim số thuê bao 0362.505.XXX của bị cáo Lê Văn L và 01 (Một) xe mô tô biển số 47E1 – 312.XX, loại xe: Hai bánh từ 50 -175cm³, nhãn hiệu: Yamaha, số loại: Nouvo, màu sơn: vàng nâu, dung tích xi lanh: 132, số khung: RLCN5P1108Y020XXX, số máy: 5P11020XXX, không kèm theo đăng ký xe, của bị cáo Nay H N, là phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

(Vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/11/2023 giữa Công an thành phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk với Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk).

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Văn L, Nay H N, Huỳnh Thái C, Bùi Anh T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TAND TC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS Tp. B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kiều My